

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN XÃ KENG ĐU - HUYỆN KỶ SƠN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá được quy định tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)	Ghi chú
		Từ	Đến			
1	Đường huyện					
1.1	Đường Huồi Tụ - Keng Đu qua bản Huồi Phuôn 2	Trụ sở công an xã (Từ thửa đất số 02, tờ bản đồ số 15)	Cuối bản Huồi Phuôn 2 (thửa đất số 57, tờ bản đồ 13)	120.000	300.000	
		Các thửa không bám đường		80.000	160.000	
1.2	Đường Huồi Tụ - Keng Đu qua bản Huồi Lê	Cổng chào Làng văn hóa bản (Từ thửa đất số 69, tờ bản đồ 22)	Cuối bản Huồi Lê (đến thửa đất số 1, tờ bản đồ 21)	110.000	200.000	
		Từ các tuyến đường ngõ, bản thửa đất số 7 tờ bản đồ 21	đến thửa số 12, tờ bản đồ 22 và thửa số 3, tờ bản đồ 23	70.000	150.000	
II	Đường xã					
1	Đường Huồi Tụ - Keng Đu qua bản Huồi Phuôn 1	Cổng chào Làng văn hóa bản (Từ thửa đất số 57, tờ bản đồ 13)	Cuối bản Huồi Phuôn 1(thửa đất số 93, tờ bản đồ 13)	110.000	190.000	
		Từ các tuyến đường ngõ, bản thửa đất số 52 tờ bản đồ 13	đến thửa số 02, tờ bản đồ 11)	80.000	150.000	
2	Đường trục chính qua bản Kèo Con	Trường tiểu học Kèo Con (Từ thửa đất số 37, tờ bản đồ 10)	Cuối bản Kèo Con (thửa đất số 47, tờ bản đồ 7)		180.000	
		Từ các tuyến đường ngõ, bản thửa đất số 1 tờ bản đồ 9	đến thửa số 03, tờ bản đồ 7)		150.000	

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá được quy định tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)	Ghi chú
		Từ	Đến			
3	Đường trục chính qua bản Hạc Tà Vén	Cổng chào Làng văn hóa bản (Từ thửa đất số 01, tờ bản đồ 5)	Cuối bản Hạc Tà Vén (thửa đất số 92, tờ bản đồ 6)	100.000	180.000	
		Từ các tuyến đường ngõ, bản thửa đất số 84 tờ bản đồ 6	đến thửa số 44, tờ bản đồ 6)	70.000	120.000	
4	Đường trục chính qua bản Keng Đu	Từ nhà hộ Vi Văn Hằng (Từ thửa đất số 53, tờ bản đồ 4)	Cuối bản Keng Đu (thửa đất số 1, tờ bản đồ 4)	100.000	180.000	
		Từ các tuyến đường ngõ, bản thửa đất số 04 tờ bản đồ 4	đến thửa số 9, tờ bản đồ 4)	70.000	120.000	
5	Đường trục chính qua bản Huồi Cáng	Trường MN Huồi Cáng (Từ thửa đất số 2, tờ bản đồ 12)	Cuối bản Huồi Cáng (thửa đất số 9, tờ bản đồ 14)	100.000	180.000	
		Từ các tuyến đường ngõ, bản thửa đất số 14 tờ bản đồ 12	đến thửa số 33, tờ bản đồ 14)	70.000	120.000	
6	Đường trục chính qua bản Khe Linh	Từ nhà hộ Moong Phò Hoanh (từ thửa số 14, tờ bản đồ số 18)	Cuối bản Khe Linh (thửa đất số 51, tờ bản đồ 16)	100.000	150.000	
		Từ các tuyến đường ngõ, bản thửa đất số 18 tờ bản đồ 18	đến thửa số 18, tờ bản đồ 16)	80.000	120.000	
7	Đường trục chính qua bản Quyết Thắng	Đầu bản	Cuối bản	100.000	150.000	
		Các thửa không bám đường		80.000	120.000	
8	Đường trục chính qua bản Huồi Xui	Đầu bản	Cuối bản	100.000	150.000	
		Các thửa không bám đường		80.000	120.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH